



Name:

Class: 3E

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (09 - 13/08/2021)

Thời gian	Nội dung học				
Thứ 2 (09/08)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần) Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài. Track 1 				
	 clean	 cook	 sleep	 eat	 shop
	 watch	 draw	 read	 drink	 dig

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 2



1  I'm cooking.  I'm not cooking.	2  He is reading.  He isn't reading.
3  She is running.  She isn't running.	4  They are cleaning.  They aren't cleaning.

3) Con vào Liveworksheets, chọn Workbook **WEEK 2** và làm **phiếu số 1 +2**

4) Viết từ và câu ở mục 1 và 2 vào vở sau đó chụp ảnh gửi lên Teams cho cô.

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 2



Thứ 3
(10/08)

1



I'm cooking.



I'm not cooking.

2



He is reading.



He isn't reading.

3



She is running.



She isn't running.

4



They are cleaning.



They aren't cleaning.

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 3



1. Are you sleeping?	 Yes, I am.	 No, I am not.	3. Is she watching TV?	 Yes, she is.	 No, she isn't.
2. Is he watching TV?	 Yes, he is.	 No, he isn't.	4. Are they listening to music?	 Yes, they are.	 No, they aren't.

3) Con vào Liveworksheets, chọn Workbook **WEEK 2** và làm **phiếu số 3+4**

4) Viết câu ở mục 2 vào vở sau đó chụp ảnh gửi lên Teams cho cô.

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 3



Thứ 4
(11/08)

1. Are you sleeping?	 Yes, I am.	 No, I am not.	3. Is she watching TV?	 Yes, she is.	 No, she isn't.
2. Is he watching TV?	 Yes, he is.	 No, he isn't.	4. Are they listening to music?	 Yes, they are.	 No, they aren't.

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 4



1. What **are** you **doing**?



I **am** **painting**.

2. What **is** he **doing**?



He **is** **swimming**.

3. What **is** she **eating**?



She **is** **eating** pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** **playing** football.

3) Con vào Liveworksheets, chọn Workbook **WEEK 2** và làm **phiếu số 5+6**

4) Viết từ và câu ở mục 2 vào vở sau đó chụp ảnh gửi lên Teams cho cô.

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 4



1. What **are** you **doing**?



I **am** **painting**.

2. What **is** he **doing**?



He **is** **swimming**.

3. What **is** she **eating**?



She **is** **eating** pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** **playing** football.

2) Con vào Liveworksheets, chọn Workbook **WEEK 2** và làm **phiếu số 7+8**

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)
Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Track 4



1. What **are** you **doing**?



I **am** painting.

2. What **is** he **doing**?



He **is** swimming.

3. What **is** she **eating**?



She **is** eating pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** playing football.

Thứ 6
(13/08)

2) Con vào Liveworksheets, chọn Workbook **WEEK 2** và làm *phiếu số 9+10*

3) Làm Phiếu trên TEAMS. (Ms Hằng sẽ giao form trên TEAMS vào 8h sáng Thứ 6)

~ THE END ~